

Số: 119/2026/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - ĐÀ NẴNG**

Căn cứ các Điều 212, 396, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;  
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2021/UBTVQH14 ngày 30/12/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 126/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc HNGĐ:*

1. Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn N, xã Đ, thành phố Đà Nẵng;

2. Bà Võ Thị Thu N, sinh năm 1987; địa chỉ: thôn N, xã Đ, thành phố Đà Nẵng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về quan hệ hôn nhân:**

Ông Nguyễn Ngọc H và bà Võ Thị Thu N tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam cũ (nay là xã Đ, thành phố Đà Nẵng) ngày 29/5/2018, giấy CNKH số 65. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

*Xét thực trạng quan hệ hôn nhân vợ chồng thì thấy:* Ông H và bà N chung sống hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Nay ông H và bà N xét thấy hạnh phúc vợ chồng đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được nên thỏa thuận ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn giữa vợ chồng.

Xét sự thuận tình ly hôn giữa vợ chồng là tự nguyện, phù hợp với thực tế và không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

**[2] Về con chung:** Ông H và bà N thống nhất khai vợ chồng có 04 con

chung là Nguyễn Võ Văn T (sinh ngày 19/10/2005), Nguyễn Võ Văn H1 (sinh ngày 13/9/2008), Nguyễn Võ Văn H2 (sinh ngày 10/3/2018), Nguyễn Ngọc Bảo H3 (sinh ngày 15/11/2023).

Nay ly hôn ông H và bà N thỏa thuận giao 03 con chung là Nguyễn Võ Văn H1 (sinh ngày 13/9/2008), Nguyễn Võ Văn H2 (sinh ngày 10/3/2018), Nguyễn Ngọc Bảo H3 (sinh ngày 15/11/2023) cho mẹ (bà N) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Riêng con chung là Nguyễn Võ Văn T (sinh ngày 19/10/2005) đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vợ chồng thỏa thuận cha (anh H) chịu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là Nguyễn Võ Văn H1 mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*), Nguyễn Võ Văn H2 mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*), Nguyễn Ngọc Bảo H3 mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Ông H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Xét thỏa thuận giao nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung giữa ông H và bà N là hợp pháp, phù hợp với thực tế nên công nhận.

[3] **Về tài sản chung:** Ông H và bà N thống nhất khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. **Về lệ phí việc hôn nhân gia đình sơ thẩm:** Ông H và bà N phải chịu là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận ý kiến thuận tình ly hôn ngày 14/4/2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

1.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Ngọc H và bà Võ Thị Thu N.

1.2. *Về con chung:* Sau ly hôn bà Võ Thị Thu N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung: Nguyễn Võ Văn H1 (sinh ngày 13/9/2008), Nguyễn Võ Văn H2 (sinh ngày 10/3/2018), Nguyễn Ngọc Bảo H3 (sinh ngày 15/11/2023) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Ông Nguyễn Ngọc H chịu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Võ Văn H1 mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*), Nguyễn Võ Văn H2 mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*), Nguyễn Ngọc Bảo H3 mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Ông H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

1.3. *Về tài sản chung:* Ông H và bà N thống nhất khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2. Về lệ phí Tòa án:** Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) bà ông Nguyễn Ngọc H và bà Võ Thị Thu N phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) ông H, bà N đã nộp theo biên lai thu số 0003770 ngày 14/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**THẨM PHÁN**

*Nơi nhận:*

- *Đương sự;*
- *VKSND khu vực 11-Đà Nẵng;*
- *Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;*
- *TAND thành phố Đà Nẵng;*
- *Lưu: Hồ sơ việc dân sự.*

**Nguyễn Hùng**